

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN

Số 108 Lê Thánh Tông, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 đã được soát xét.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 645/2007/QĐ – HĐQT ngày 26/03/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và Biên bản thỏa thuận thành lập Công ty ngày 12/04/2007 của cổ đông sáng lập. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2203000845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 24/04/2007. Trong quá trình hoạt động, những thay đổi về tên doanh nghiệp và ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh phê duyệt tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi từ lần 01 đến lần 03 ngày 07/04/2015; trong đó số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thay bằng mã số doanh nghiệp số 5700647458 trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 07/04/2015.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa và ven biển.

Công ty có trụ sở tại số 108 đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|---------------------------|---------------|
| - Ông Hoàng Minh Hiếu | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Vũ Văn Tâm | Ủy viên |
| - Ông Phạm Thế Trọng Toàn | Ủy viên |

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|---------------------------|--------------------|
| - Ông Vũ Văn Tâm | Giám đốc điều hành |
| - Ông Phạm Thế Trọng Toàn | Phó Giám đốc |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Văn Tâm - Giám đốc Công ty.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|------------------------|----------------------|----------------------------|
| - Ông Phạm Xuân Vinh | Trưởng Ban kiểm soát | Miễn nhiệm ngày 18/04/2018 |
| - Bà Nguyễn Thị Lịch | Trưởng Ban kiểm soát | Bổ nhiệm ngày 18/04/2018 |
| - Ông Lương Đức Chính | Ủy viên | |
| - Bà Vũ Thị Thu Phương | Ủy viên | Miễn nhiệm ngày 18/04/2018 |
| - Ông Nguyễn Trọng Đại | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 18/04/2018 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

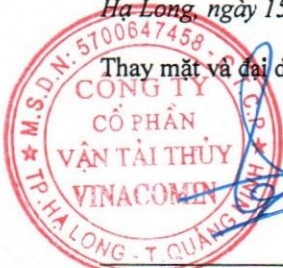
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018.

Hạ Long, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Giám đốc

Vũ Văn Tâm

Số: 218/2018/BCSX-BDO

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2018

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin
cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

**Kính gửi: CỐ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin, được lập ngày 15 tháng 08 năm 2018 từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm mục đích phủ nhận kết luận soát xét nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến mục V.18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính: Tại thời điểm 30/06/2018, khoản lỗ lũy kế của đơn vị là 102.847.686.792 đồng vượt quá nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu công ty là 2.847.686.792 đồng và cũng tại ngày này, khoản nợ ngắn hạn của đơn vị vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 33.890.753.645 đồng. Những dấu hiệu này đã chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của đơn vị.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO



Bùi Văn Vương - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKKH kiểm toán 0780-2018-038-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		71.227.974.425	46.986.231.239
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.318.143.351	749.657.782
1. Tiền	111		2.318.143.351	749.657.782
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.150.161.774	36.001.973.317
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	49.849.425.122	35.843.273.876
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	23.182.770	114.951.721
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.1	1.321.825.080	78.707.080
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(44.480.080)	(44.480.080)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		208.882	9.520.720
III. Hàng tồn kho	140		9.205.545.958	8.172.204.948
1. Hàng tồn kho	141	V.7	9.205.545.958	8.172.204.948
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.554.123.342	2.062.395.192
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.1	8.554.123.342	2.049.944.226
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12.2	-	12.450.966
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.440.395.888	40.642.811.470
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.000.000	17.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.2	17.000.000	17.000.000
II. Tài sản cố định	220		35.237.902.270	38.933.194.180
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	35.237.902.270	38.933.194.180
<i>Nguyên giá</i>	222		91.480.200.603	91.480.200.603
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(56.242.298.333)	(52.547.006.423)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		170.000.000	170.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(170.000.000)	(170.000.000)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	4.560.000.000	4.560.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.560.000.000)	(4.560.000.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		185.493.618	1.692.617.290
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.2	185.493.618	1.692.617.290
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		106.668.370.313	87.629.042.709

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		105.118.728.070	101.929.525.164
I. Nợ ngắn hạn	310		105.118.728.070	101.929.525.164
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	76.418.453.313	61.455.250.137
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.1	89.585.401	580.852.650
4. Phải trả người lao động	314	V.13	5.352.118.485	3.206.642.079
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	464.167.082	827.177.130
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.130.804.329	836.472.751
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	21.663.599.460	35.023.130.417
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.549.642.243	(14.300.482.455)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	1.549.642.243	(14.300.482.455)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		734.747.581	734.747.581
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.662.581.454	3.662.581.454
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(102.847.686.792)	(118.697.811.490)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(118.697.811.490)	(126.260.289.986)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.850.124.698	7.562.478.496
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		106.668.370.313	87.629.042.709

Lập ngày 15 tháng 08 năm 2018

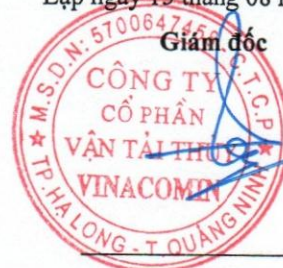
Người lập biểu

Kế toán trưởng




Trần Thị Thanh Loan

Phạm Thị Thu Hà



Vũ Văn Tâm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	335.363.617.782	287.400.847.903
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		335.363.617.782	287.400.847.903
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	306.300.235.294	268.681.507.789
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.063.382.488	18.719.340.114
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.533.461	13.303.895
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.428.824.585	1.442.760.318
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.428.824.585	1.442.722.678
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.617.846.445	2.660.670.858
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	9.288.862.872	6.115.728.523
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.737.382.047	8.513.484.310
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.294.888.784	440.102.798
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.182.146.133	404.437.321
13. Lợi nhuận khác	40		1.112.742.651	35.665.477
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.850.124.698	8.549.149.787
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>15.850.124.698</u>	<u>8.549.149.787</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.585</u>	<u>855</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Lập ngày 15 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Trần Thị Thanh Loan

Phạm Thị Thu Hà



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.850.124.698	8.549.149.787
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.695.291.910	5.974.419.540
- Các khoản dự phòng	03	-	(20.313.980)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	37.640
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.533.461)	(13.303.895)
- Chi phí lãi vay	06	1.428.824.585	1.442.722.678
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	20.964.707.732	15.932.711.770
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(15.135.737.491)	(21.675.112.033)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.033.341.010)	(1.411.985.637)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	16.532.949.654	13.479.107.019
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.997.055.444)	(399.896.130)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.413.040.376)	(1.841.383.854)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.918.483.065	4.083.441.135
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.533.461	13.303.895
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	9.533.461	13.303.895
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	77.321.372.560	113.462.202.315
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(90.680.903.517)	(118.642.006.639)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.359.530.957)	(5.179.804.324)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.568.485.569	(1.083.059.294)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1 749.657.782	2.027.705.894
Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(37.640)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1 2.318.143.351	944.608.960

Lập ngày 15 tháng 08 năm 2018

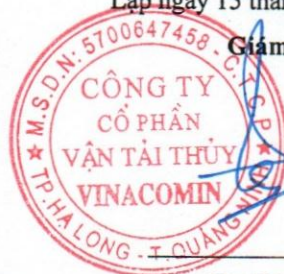
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc







Trần Thị Thanh Loan

Phạm Thị Thu Hà

Vũ Văn Tâm